

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TÁC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH TỈNH HÀ GIANG GIAI ĐOẠN 2008-2012

BÙI VĂN HỘI, NGUYỄN THỊ QUỲNH HOA

TÓM TẮT

Bên cạnh những kết quả tốt đã đạt được trong việc thực hiện công tác DS-KHHGD trong giai đoạn 2008 – 2012, thì công tác DS-KHHGD Hà Giang còn gặp một số khó khăn, thách thức: Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên còn cao 21.02 %; Vấn đề mất cân bằng tỷ số giới tính khi sinh cao 115.95/100 trẻ gái, đang trở nên “nóng” và thực sự thu hút sự quan tâm của chính quyền địa phương, của ngành và xã hội. **Mục tiêu:** Đánh giá kết quả công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tỉnh Hà Giang giai đoạn 2008-2012. **Phương pháp nghiên cứu:** Hồi cứu số liệu từ năm 2008 - 2012. **Đối tượng nghiên cứu:** Sổ sách, báo cáo các năm về Dân số - kế hoạch hóa gia đình, phần mềm quản lý dữ liệu dân số của tỉnh Hà Giang từ năm 2008 – 2012. **Kết quả:** Tỷ lệ sinh con thứ 3 còn cao; tỷ số giới tính khi sinh cao. Kiến nghị cần có những giải pháp để giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 và tỷ số giới tính khi sinh.

OUTCOMES OF POPULATION – FAMILIES PLANNING ACTIVITIES IN HA GIANG PROVINCE FROM 2008- 2013

SUMMARY

Besides the positive outcomes, there are many obstacles and challenges in implementing population – family planning activities from 2008 to 2012.

The rate of the third childbirth is still high, accounting for 21,02%. The imbalance of gender ratio at childbirth accounts for 115.95/100 newborns who are girls. This issue is becoming "hot" issue and attracts the attention of the local authorities, organizations, and society. **Objective:** Evaluating the results of population and family planning in Ha Giang province from 2008 to 2012. **Research Methods:** Analyzing Retrospective data from 2008 to 2012. **Study Objects:** books, five annual reports of the population and family planning, data management software of Ha Giang population from 2008 to 2012. **Results:** the 3rd childbirth ratio is high; sex ratio at birth is also high. **Recommendations:** Some suggestions and solutions to reduce the 3rd childbirth and sex ratio at birth.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bên cạnh những kết quả tốt đã đạt được trong việc thực hiện công tác DS-KHHGD, trong giai đoạn

2008 - 2012 công tác DS-KHHGD Hà Giang còn gặp nhiều khó khăn, thách thức:

Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên gia tăng nhanh chóng từ 1.47% năm 2008 lên 21.02 % năm 2012. Trung bình mỗi năm tăng 10.81%.

Vấn đề mất cân bằng tỷ số giới tính khi sinh trở nên “nóng” và thực sự thu hút sự quan tâm của chính quyền địa phương, của ngành và xã hội.

Mục tiêu giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giai đoạn 2011 – 2020 đối với miền núi và hải đảo là dưới 15% [2][3].

Quyết định số 1440/QĐ-UBND, ngày 25/7/2012 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành kế hoạch hành động giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Hà Giang thực hiện chiến lược DS và SKSS Việt Nam đã xác định các vấn đề cần giải quyết: Mức sinh cao, đặc biệt là tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên [8].

Tỷ số giới tính khi sinh trung bình cả nước năm 2012 là 112,3. Mục tiêu tỷ số giới tính khi sinh năm 2013 là 113 (trai/100 gái) [2][4][5][7].

Mục tiêu tiến tới đưa tỷ số giới tính khi sinh trở lại mức 105 - 106 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái khoảng năm 2025[4].

Mục tiêu: Đánh giá kết quả công tác dân số kế hoạch hóa gia đình tỉnh Hà Giang giai đoạn 2008-2012

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng, địa điểm, thời gian nghiên cứu

1.1. Đối tượng nghiên cứu:

Sổ sách, báo cáo các năm về Dân số - kế hoạch hóa gia đình, phần mềm quản lý dữ liệu dân số của tỉnh Hà Giang từ năm 2008 – 2012.

1.2. Địa điểm nghiên cứu:

Chi cục DS-KHHGD tỉnh Hà Giang

1.3. Thời gian nghiên cứu:

Từ tháng 1 năm 2013 đến tháng 10 năm 2013

2. Chỉ số nghiên cứu:

Chỉ số về phụ nữ 15 – 49 tuổi có chồng, số trẻ sinh ra là con thứ 3, tỷ số giới tính khi sinh.

3. Kỹ thuật thu thập số liệu

- Hồi cứu số liệu từ năm 2008 - 2012: Dựa vào sổ sách, báo cáo các năm.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

1. Tỷ lệ phụ nữ 15 - 49 tuổi có chồng tỉnh Hà Giang (2008 – 2012)

Năm Huyện	2008		2009		2010		2011		2012	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đồng Văn	9523	65.45	10337	66.03	10486	64.58	12314	68.59	12288	66.81
Quảng Bạ	4838	68.98	5040	60.29	6130	62.28	7807	63.18	8104	62.04

TP-HG	7695	67.22	8103	60.60	8378	59.84	8801	60.67	9165	61.08
Vị Xuyên	16098	62.98	16996	63.65	17156	63.60	18856	65.45	19150	64.78
Yên Minh	11361	65.51	12181	64.87	12432	63.04	14979	69.30	15209	67.94
Bắc Mê	5865	56.44	5933	54.24	5926	51.99	8606	60.07	8629	58.34
Bắc Quang	10612	56.85	11508	55.97	12580	55.28	20427	62.64	20756	62.05
Hoàng Su Phì	9847	75.08	10310	73.76	11203	73.30	11982	72.93	12183	71.80
Mèo Vạc	9828	62.16	10464	63.48	10509	61.41	11832	67.93	11954	65.92
Quang Bình	7204	60.28	7377	59.74	7452	59.32	11309	63.44	11653	63.07
Xín Mần	9527	71.28	9943	72.56	10178	72.73	11514	73.47	11785	71.87
Toàn tỉnh	102398	36.87	108192	36.55	112430	36.28	138427	37.30	140876	36.76

Tỷ lệ phụ nữ 15 – 49 tuổi có chồng trong 5 năm từ 2008 – 2012 luôn giao động trong khoảng 36.28% - 37.30%.

Tỷ lệ phụ nữ 15 – 49 tuổi có chồng của 02 huyện: Hoàng Su Phì và huyện Xín Mần rất cao cần có sự quan tâm đặc biệt.

Từ kết quả trên cho thấy nhu cầu về các biện pháp tránh thai, dự báo tỷ lệ sinh trong thời gian tới còn cao, công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ ở độ tuổi sinh đẻ cần được quan tâm hơn.

2. Tỷ lệ sinh con thứ ba của tỉnh Hà Giang từ năm 2008 - 2012

Năm Huyện	2008		2009		2010		2011		2012	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Đồng Văn	0	0	18	3.49	29	4.65	17	1.26	533	55.63
Quảng Bạ	0	0	8	5.67	16	5.53	16	12.30	252	39.81
Thành phố HG	0	0	13	2.19	18	3.2	10	1.52	43	5.06
Vị Xuyên	1	0.06	1	0.06	30	1.99	54	3.52	180	9.07
Yên Minh	20	13.42	253	35.83	290	37.56	578	29.99	617	33.20
Bắc Mê	0	0	0	0	4	0.77	7	1.50	40	8.56
Bắc Quang	0	0	1	2.08	0	0	31	4.41	103	7.62
Hoàng Su Phì	3	2.54	13	2.58	53	7.15	158	11.01	202	15.18
Mèo Vạc	17	5.34	46	31.08	312	42.68	629	44.67	419	39.45
Quang Bình	2	4.34	10	4.13	15	2.36	32	3.98	60	6.72
Xín Mần	0	0	0	0	31	6.00	1	0.16	191	16.24
Toàn tỉnh	43	1.47	363	6.46	798	11.22	1533	13.91	2640	21.02

Nhận xét

- Tỷ lệ sinh con thứ 3 của tỉnh Hà Giang từ năm 2008 – 2012 có xu hướng tăng nhanh trông từ 1.47% năm 2008 lên 21.02% năm 2012.
- Các huyện có tỷ lệ sinh con thứ 3 cao như: huyện Yên Minh trong cả 5 năm tỷ lệ sinh con thứ 3 đều cao. Huyện Mèo Vạc năm 2009-2012 có tỷ lệ sinh con thứ 3 cao.
- Đặc biệt năm 2012 có 4 huyện có tỷ lệ sinh con thứ 3 rất cao: Mèo Vạc, Đồng Văn, Quảng Bạ, Yên Minh.
- Tỷ lệ sinh con thứ 3 cao chủ yếu tập chung ở các huyện vùng cao: Mèo Vạc, Đồng Văn, Quảng Bạ, Yên Minh, Hoàng Su Phì, Xín Mần.

3. Tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh Hà Giang (2008 – 2012)

Năm Kết quả	2008			2009			2010			2011			2012		
	Trẻ trai	Trẻ gái	Tỷ số	Trẻ trai	Trẻ gái	Tỷ số	Trẻ trai	Trẻ gái	Tỷ số	Trẻ trai	Trẻ gái	Tỷ số	Trẻ trai	Trẻ gái	Tỷ số
Kết quả	1435	1488	96.43	2753	2871	95.89	3543	3570	99.24	5660	5357	105.65	6744	5816	115.95

Tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh Hà Giang từ năm 2008 – 2010 cỡ mẫu không đủ lớn (dưới 10.000) nên chưa thể nói là tỷ số bình thường hay không bình thường; năm 2011 cỡ mẫu đủ lớn và kết quả cho ta thấy có dấu hiệu của mất cân bằng giới tính khi sinh;

Năm 2012 mất cân bằng giới tính khi sinh với tỷ số rất cao 115.95/100 trẻ gái, trong đó chỉ tiêu tỷ số giới tính khi sinh là dưới mức 113 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái.

Sự mất cân bằng giới tính khi sinh ở tỉnh Hà Giang xuất hiện muộn hơn so với toàn quốc (năm 2006) nhưng mức độ lại rất cao.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ sinh con thứ 3 của tỉnh Hà Giang còn cao trung bình toàn tỉnh năm 2012 là 21.02%.

Tỷ lệ sinh con thứ 3 cao tập chung chủ yếu tại các

huyện vùng cao như: Mèo Vạc, Đồng Văn, Quảng Bạ, Yên Minh.

Tỷ số giới tính khi sinh có xu hướng gia tăng từ năm 2011 đặc biệt là năm 2012 mất cân bằng giới tính khi sinh với tỷ số rất cao là 115.95/100 trẻ trai/trẻ gái.

Cần có những giải pháp thiết thực để giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 và tỷ số giới tính khi sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương (2005) Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22/3/2005 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình.
2. Bộ y tế (2012) Quyết định số 3447/QĐ-BYT ngày 22/9/2011 về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn 2011-2020.
3. Bộ y tế (2013) Báo cáo tổng kết công tác Y tế năm 2012, nhiệm vụ và các giải pháp thực hiện trong năm

2013.

4. Chính phủ (2011) Quyết định 2013/QĐ-TTg, ngày 14/11/2011 về việc phê duyệt chiến lược dân số và sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020.

5. Thủ tướng Chính phủ (2012) Quyết Định số 1199/QĐ-TTg ngày 31/8/2012 về việc phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia DS và KHHGĐ giai đoạn 2012-2015.

6. Tổng cục DS-KHHGĐ (2012) Quyết Định số 69/QĐ-TCDS ngày 06/4/2012 về việc ban hành bảng điểm đánh giá công tác DS-KHHGĐ năm 2012.

7. UNFP (2010) Mất cân bằng giới tính khi sinh ở

Việt Nam. Bằng chứng từ tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.

8. UBND tỉnh Hà Giang (2012) Quyết định số 1440/QĐ-UBND, ngày 25/7/2012 của UBND tỉnh Hà Giang về việc ban hành kế hoạch hành động giai đoạn 2011-2015 của tỉnh Hà Giang thực hiện chiến lược DS và SKSS Việt Nam.

9. UNFPA. By choice not by chance. UNFPA state of world population, 2012.

10. UNFPA. United nation Việt Nam. United nations Việt Nam Annual report 2011 (Báo cáo liên hiệp quốc tại Việt Nam 2011. Hà Nội, United nation Việt Nam, 2011.